

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Nguyễn Trung Kiên - Trường Đại học Vinh

*Ngày nhận bài: 05/03/2018; ngày sửa chữa: 10/05/2018; ngày duyệt đăng: 16/05/2018.*

**Abstract:** Scientific research is a necessary activity to help students to enrich their knowledge, to combine theory with professional practice, to form independent thinking ability, to create good qualities for the future teacher. In fact, in universities, most students are not interested in this activity; scientific research is the nature of coping, form, so the research results are not high. This article presents some measures to enhance the interest in scientific research for pedagogical students in Vinh University.

**Keywords:** Interest, science research, students, pedagogics students.

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là nội dung không thể thiếu của giáo dục đại học, nhằm khẳng định vị thế của nhà trường cũng như nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường trong xu thế cạnh tranh như hiện nay. Mặt khác, NCKH giúp sinh viên (SV) phát triển năng lực chuyên môn, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện tư duy, qua đó bồi dưỡng các phẩm chất của nhà nghiên cứu, góp phần giáo dục toàn diện cho SV. Chính vì vậy, hiện nay, các trường đại học chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH cho SV, song kết quả vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu và mục tiêu đề ra. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó một phần là do SV chưa có hứng thú, chưa thực sự say mê NCKH. Khi SV có hứng thú NCKH sẽ tạo cho họ một trạng thái cảm xúc dễ chịu, thoải mái, say mê và thúc đẩy họ tích cực hoạt động để đem lại kết quả cao. Tuy nhiên, qua quá trình giảng dạy và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, đa số SV nói chung, SV ngành sư phạm nói riêng chưa có hứng thú trong NCKH, SV tham gia NCKH còn mang tính hình thức, đối phó theo yêu cầu của giảng viên (GV) nên chất lượng các công trình nghiên cứu chưa cao, thiếu ứng dụng vào thực tiễn. Vì vậy, việc tìm ra một số biện pháp nâng cao hứng thú NCKH cho SV ngành sư phạm là việc làm quan trọng để góp phần nâng cao hiệu quả NCKH, đồng thời giúp SV rèn luyện, bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học và những phẩm chất tốt đẹp của người giáo viên tương lai.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Nghiên cứu khoa học và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên sư phạm

##### 2.1.1. Khái niệm “nghiên cứu khoa học”

Theo Phạm Việt Vương: “NCKH là hoạt động sáng tạo của các nhà khoa học nhằm nhận thức thế giới, tạo ra hệ thống tri thức có giá trị để sử dụng vào cải tạo thế giới” [1; tr 41]. Tác giả Vũ Cao Đàm cho rằng: “NCKH

là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc phát hiện ra bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới hoặc là sáng tạo các phương pháp mới, phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới” [2; tr 2].

Như vậy, các tác giả đưa ra những khái niệm khác nhau về NCKH, tuy nhiên có những điểm thống nhất như sau: 1) NCKH là một hoạt động sáng tạo nhằm khám phá sự vật, hiện tượng khách quan tạo ra những tri thức mới cho nhân loại; 2) NCKH là một hệ thống các thao tác tác động vào thế giới khách quan của con người; 3) Kết quả NCKH được chứng minh qua thực tiễn.

##### 2.1.2. Ý nghĩa của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên sư phạm

SV sư phạm ngoài việc học tập nâng cao chuyên môn, trau dồi nhân cách của người GV tương lai còn phải tích cực tham gia vào các hoạt động NCKH. Điều này mang lại rất nhiều ý nghĩa cho bản thân SV:

- NCKH giúp SV có điều kiện tìm hiểu sâu về chuyên môn và nghiệp vụ liên quan tới công việc của mình, qua đó giúp SV mở rộng và đào sâu tri thức, đồng thời tạo cơ hội để SV vận dụng tri thức vào những tình huống thực tiễn, làm quen với môi trường công tác giáo dục, hình thành và phát triển các năng lực sư phạm: năng lực vận dụng phương pháp dạy học và giáo dục, năng lực thiết kế hoạt động dạy học và giáo dục, năng lực tìm hiểu học sinh, năng lực tham vấn học sinh, năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục, năng lực xử lý tình huống sư phạm...

- NCKH giúp SV hình thành năng lực tư duy khoa học, phát triển trí sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, qua đó bồi dưỡng cho SV những phẩm chất của người NCKH: kiên trì, chịu khó, trung thực, trách nhiệm, kỉ luật...

- NCKH giúp SV phát triển năng lực tự học, tự tìm tòi, tự nghiên cứu thường xuyên và suốt đời, đó là những

năng lực quan trọng, không thể thiếu đối với người GV trong xu thế phát triển hiện nay.

Chính vì vậy, tổ chức các hoạt động NCKH cần được các trường sư phạm đặc biệt quan tâm trong quá trình đào tạo để mỗi SV vừa là một nhà giáo dục, vừa là một nhà khoa học trong tương lai.

### 2.1.3. Khái niệm “hứng thú” và “hứng thú nghiên cứu khoa học”

Theo tác giả Nguyễn Quang Uẩn thì: “*Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa với cuộc sống, vừa có khả năng đem lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động*” [3; tr 173]. Khái niệm này vừa nêu lên được bản chất tâm lý của hứng thú, vừa gắn hứng thú với hoạt động cá nhân. Xét về mặt khái niệm thì hứng thú là một thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng, thể hiện ở sự chú ý tới đối tượng, khao khát đi sâu nhận thức đối tượng, sự thích thú được thỏa mãn với đối tượng. Một sự vật, hiện tượng nào đó chỉ có thể trở thành đối tượng của hứng thú khi chúng thỏa mãn 2 điều kiện sau đây: 1) Có ý nghĩa đối với cuộc sống của cá nhân, điều kiện này quyết định nhận thức trong cấu trúc của hứng thú, đối tượng nào càng có ý nghĩa lớn đối với cuộc sống của cá nhân thì càng dễ tạo ra hứng thú; 2) Có khả năng mang lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động với đối tượng. Điều kiện này cho thấy hứng thú có quan hệ mật thiết với nhu cầu: Khi nhu cầu được thỏa mãn sẽ tạo cho con người những xúc cảm tích cực. Đây là mặt xúc cảm, mặt thái độ trong cấu trúc của hứng thú. Muốn hình thành hứng thú với một đối tượng nào đó, cần tác động đến nhu cầu của cá nhân. Việc làm phong phú và nâng cao hệ thống các nhu cầu của cá nhân là tiền đề để giáo dục hứng thú của cá nhân. Mặt khác, khoái cảm nảy sinh trong quá trình hoạt động với đối tượng, nên biện pháp quan trọng nhất, chủ yếu nhất để gây ra hứng thú là tổ chức hoạt động, trong quá trình hoạt động và bằng hoạt động với đối tượng, mới có thể nâng cao được hứng thú của cá nhân.

Trên cơ sở khái niệm “hứng thú” của tác giả Nguyễn Quang Uẩn thì “hứng thú NCKH” được hiểu như sau: *Hứng thú NCKH là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nghiên cứu, nó có khả năng đem lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình khám phá bản chất, quy luật của đối tượng.*

Theo quan niệm này, khi con người có hứng thú với hoạt động NCKH thì họ sẽ có cảm giác thoải mái, say mê khi tiến hành khám phá đối tượng nghiên cứu, làm cho đối tượng sớm bộc lộ bản chất, đem lại kết quả cao trong nghiên cứu. Ngược lại, nếu không có hứng thú sẽ làm mất đi động cơ nghiên cứu, kết quả nghiên cứu sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực.

### 2.1.4. Những biểu hiện của hứng thú trong nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm

- SV nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động NCKH đối với bản thân trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường sư phạm để trở thành người giáo viên tương lai.

- SV có cảm xúc tích cực với hoạt động NCKH, thực sự yêu thích, đam mê nó, luôn mong muốn khám phá - tìm tòi những bí ẩn của thế giới khách quan nhằm tìm ra những chân lý cho khoa học, đồng thời SV lí giải đúng và đủ các nguyên nhân của sự yêu thích đó.

- Những SV yêu thích NCKH luôn có những trăn trở, băn khoăn trong quá trình học tập, luôn đặt ra những câu hỏi về vấn đề học tập - nghiên cứu; luôn chủ động trong trao đổi quan điểm, ý kiến của bản thân với những người khác, với thầy, cô, bạn bè.

- Nghiên cứu tích cực, chủ động, tự giác tham gia vào quá trình nghiên cứu; tập trung chú ý cao độ trong quá trình nghiên cứu; huy động toàn bộ vốn tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng, kĩ xảo của mình vào hoạt động nghiên cứu; sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu; thực hiện tốt các khâu của quá trình nghiên cứu; trong quá trình nghiên cứu nếu khó khăn đến đâu cũng tìm cách vượt qua...

## 2.2. Thực trạng hứng thú trong nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh

Để làm cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp nâng cao hứng thú NCKH cho SV sư phạm Trường Đại học Vinh, chúng tôi đã tiến hành khảo sát về mức độ hứng thú, các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú NCKH và mức độ thực hiện các dạng hoạt động NCKH của 120 SV các ngành sư phạm Trường Đại học Vinh.

### 2.2.1. Mức độ hứng thú nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh

Để khảo sát mức độ hứng thú NCKH của SV sư phạm, chúng tôi xây dựng câu hỏi: “Mức độ hứng thú NCKH của bạn như thế nào?” và thu được kết quả như sau: Đa số SV sư phạm Trường Đại học Vinh chưa có hứng thú trong hoạt động NCKH (chiếm 78,0%) trong đó, chiếm tỉ lệ cao nhất là mức độ *ít hứng thú* (58,0%), tiếp đến là mức độ *không hứng thú* là 20,0 %. Tỉ lệ SV *hứng thú* trong NCKH chiếm tỉ lệ nhỏ 22,0% (trong đó chỉ có 4% SV sư phạm chọn mức *khá hứng thú*). Không có SV sư phạm nào chọn mức độ *rất hứng thú*. Điều đó cho thấy, hoạt động NCKH ở Trường Đại học Vinh chưa tạo được sự hứng thú, quan tâm cho SV sư phạm.

### 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh

Để khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới hứng thú NCKH của SV, chúng tôi xây dựng câu hỏi: “Mức độ các yếu tố ảnh hưởng tới hứng thú NCKH của bạn như thế nào?” và thu được kết quả như sau (xem *bảng 1*).

kiến thức, kĩ năng mà NCKH mang lại. Điều này cũng thực sự dễ hiểu, bởi có đam mê, hứng thú và gắn với nhu cầu công việc hành nghề thì SV mới thực sự tích cực trong NCKH.

*Bảng 1. Các yếu tố ảnh hưởng tới hứng thú NCKH của SV sư phạm Trường Đại học Vinh*

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ										Điểm trung bình (ĐTB)	Thứ bậc
		Rất ảnh hưởng		Khá ảnh hưởng		Bình thường		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng			
		Số lượng (SL)	(%)	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nội dung NCKH	10	8,3	23	19,2	48	40	25	20,8	14	11,7	2,92	4
2	Hình thức NCKH	0	0	12	10	34	28,3	47	39,2	27	22,5	2,26	6
3	Sự quan tâm, hướng dẫn của GV	18	15	38	31,7	34	28,3	24	20	6	5	3,32	3
4	Niềm đam mê với NCKH	28	23,4	36	30	42	35	13	10,8	1	0,8	3,64	1
5	Kiến thức, kĩ năng mà NCKH mang lại	8	6,7	15	12,5	36	30	54	45	7	5,8	2,69	5
6	Ý nghĩa của NCKH với thực tiễn nghề nghiệp	22	18,3	35	29,2	43	35,8	12	10	8	6,7	3,43	2

*Bảng 1* cho thấy: yếu tố ảnh hưởng lớn đến hứng thú NCKH của SV sư phạm Trường Đại học Vinh là niềm đam mê với NCKH và ý nghĩa của NCKH với thực tiễn nghề nghiệp; yếu tố ít ảnh hưởng là hình thức NCKH và

2.2.3. *Mức độ tham gia vào các hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh (xem bảng 2)*

*Bảng 2. Mức độ tham gia vào các hình thức NCKH của SV sư phạm Trường Đại học Vinh*

STT	Các yếu tố	Mức độ										ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Bình thường		Ít khi		Không bao giờ			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thực hiện các bài tập lớn, tiểu luận	17	14,2	57	47,5	34	28,3	12	10	0	0	3,66	1
2	Thực hiện báo cáo kiến tập, thực tập	0	0	23	19,2	76	63,3	21	17,5	0	0	3,02	2
3	Tham gia đề tài NCKH cùng GV	0	0	8	6,6	18	15	23	19,2	71	59,2	1,69	5
4	Tham gia seminar	0	0	6	5	28	23,3	56	46,7	30	25	2,08	4
5	Tham gia hội thảo NCKH	0	0	2	1,7	34	28,3	64	53,3	20	16,7	2,15	3
6	Tham gia câu lạc bộ NCKH	0	0	0	0	14	11,7	19	15,8	87	72,5	1,39	6

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ SV sư phạm thực hiện các bài tập lớn, tiểu luận là lớn nhất, rồi đến các loại báo cáo kiến tập và thực tập. Điều này dễ hiểu, bởi đây là một phần nhiệm vụ trong quá trình học tập của SV sư phạm. Việc cho SV sư phạm cùng tham gia đề tài NCKH với GV và tổ chức Câu lạc bộ NCKH cho SV sư phạm còn hạn chế, chưa được chú trọng.

### **2.3. Một số biện pháp nâng cao hứng thú nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh**

Qua nghiên cứu lí luận và khảo sát thực tiễn về hứng thú NCKH của SV các ngành sư phạm ở Trường Đại học Vinh, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao hứng thú NCKH như sau:

#### **2.3.1. Tổ chức quán triệt nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành sư phạm**

Đây là biện pháp rất quan trọng mà GV cần phải thực hiện tốt. Vì một khi SV đã có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về ý nghĩa của hoạt động NCKH thì đó là cơ sở để hình thành phát triển hứng thú vững chắc.

Qua các buổi lên lớp, thông qua các môn học như: phương pháp luận NCKH giáo dục, giáo dục học, tâm lí học... cùng với việc trang bị cho SV tri thức phương pháp luận, phương pháp NCKH, kĩ năng NCKH, GV cần giới thiệu một cách chính xác, đầy đủ và sâu sắc về ý nghĩa của hoạt động NCKH đối với mỗi SV ở trường đại học. GV cần giúp SV nhận thức được rằng, NCKH là một năng lực không thể thiếu của SV ở trường đại học. Cùng với hoạt động học tập và các hoạt động khác, hoạt động NCKH sẽ giúp SV rèn luyện được những kĩ năng và phẩm chất cần thiết của một chuyên gia trong tương lai, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

#### **2.3.2. Kích thích nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm**

Việc kích thích nhu cầu NCKH của SV sẽ giúp họ hình thành được hứng thú nghiên cứu. Vì hứng thú hình thành trong mối liên hệ với nhu cầu, khi nhu cầu của cá nhân với một hoạt động nào đó càng cao thì sự nảy sinh hứng thú càng lớn.

GV kích thích nhu cầu NCKH của SV bằng cách cuốn hút họ vào các bài tập NCKH với tư cách là chủ thể. Nên thiết kế các bài tập một cách sinh động theo yêu cầu của môn học, ở mỗi khối lớp, các bài tập nâng cao dần theo trình độ và khả năng nhận thức của SV. Đầu tiên là bài tập lớn, bài tiểu luận, bài báo cáo thực tập cho đến khóa luận tốt nghiệp..., dần dần giúp SV biến những yêu cầu của GV thành nhu cầu của bản thân. Đồng thời, hình thành ở SV thói quen NCKH trên cơ sở tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tham vào các hoạt động NCKH. Khi đã hình thành nhu cầu và thói quen NCKH, yêu cầu

SV phải tự tiến hành tìm tòi nghiên cứu để thỏa mãn nhu cầu, thói quen của mình. SV có nhu cầu nghiên cứu là điều kiện để nảy sinh, kích thích hứng thú NCKH.

#### **2.3.3. Tăng cường sự hướng dẫn của giảng viên trong quá trình nghiên cứu**

Sự hứng thú của SV với hoạt động NCKH phụ thuộc một phần vào quá trình giảng dạy, hướng dẫn của GV. Trong giảng dạy lí thuyết, nếu GV truyền đạt những tri thức phương pháp luận NCKH, phương pháp nghiên cứu và hệ thống kĩ năng cần thực hiện trong quá trình nghiên cứu một đề tài... một cách sinh động, hấp dẫn, chính xác; GV có nghệ thuật biến những tri thức lí thuyết trừu tượng thành những vấn đề cụ thể, gần gũi, thiết thực, dễ hiểu thì sẽ gây được hứng thú cho SV. Khi giao các bài tập nghiên cứu cho SV, GV cần có sự hướng dẫn tận tình, chu đáo, luôn tạo ra bầu không khí nghiên cứu thoải mái, luôn cùng SV tháo gỡ những khó khăn khi SV gặp phải, luôn là một người bạn đồng hành của SV trong quá trình nghiên cứu thì sẽ giúp SV cảm thấy hứng thú, giúp SV xóa bỏ tâm lí tự ti, lè loi khi tham gia NCKH. Khi thực hiện những đề tài NCKH, GV có thể mời những SV có năng lực cùng tham gia với vai trò phụ tá, hỗ trợ. Chính điều này sẽ giúp SV có cái nhìn rõ hơn về các hoạt động NCKH và thấy được tính thực tế và hiệu quả của một công trình nghiên cứu.

#### **2.3.4. Đa dạng hóa hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm**

Hoạt động NCKH có thể bắt đầu đơn giản bằng việc giao cho SV những bài tập, tiểu luận, khóa luận...; đặc biệt là những đề tài đòi hỏi giải quyết những vấn đề mang tính cập nhật, thời sự, gắn với thực tiễn giáo dục ở nhà trường, như: đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau 2018; đổi mới về phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập học sinh; vấn đề về bạo lực học đường hiện nay; lối "sống ảo" của giới trẻ, suy thoái về đạo đức, quan hệ dễ dãi của giới trẻ; mối quan hệ không thống nhất giữa GV và phụ huynh, gia đình và nhà trường trong giáo dục học sinh... Đây là những vấn đề nóng hổi, đang được xã hội quan tâm và cần tìm ra hướng giải quyết thích hợp, đưa SV gần hơn với thực tế công việc sau này của họ. Với những đề tài như thế này, GV nên đưa những thông tin mang tính thời sự cho SV được biết; kích thích, tạo sự cuốn hút bằng những câu hỏi gợi mở và từ đó biến thành yêu cầu, nhiệm vụ nghiên cứu cho các em.

Bên cạnh đó, nhà trường cần tổ chức các phong trào NCKH lôi cuốn SV tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau như: Hội thi NCKH trong SV; phong trào Thầy trò cùng phối hợp NCKH; viết bài đăng báo, tạp chí..., tạo điều kiện cho mọi SV đều được tham gia nghiên cứu. Thông qua các phong trào này, đòi hỏi SV phải tích cực, nỗ lực tìm kiếm thông tin, nghiên cứu sách vở và tài liệu

ở nhiều nơi, điều này góp phần kích thích hứng thú nghiên cứu cho SV. Với những SV có thành tích trong NCKH, nhà trường có thể có những phần thưởng động viên, khuyến khích, tạo động lực cho các em cũng như những SV khác tiếp tục thực hiện những công trình nghiên cứu của mình.

Song song với việc tổ chức các phong trào nghiên cứu, cần tổ chức nhiều hội thảo trao đổi kinh nghiệm NCKH cho SV tham gia. Qua đó, SV không chỉ học hỏi thêm nhiều kiến thức, về cách thức thực hiện một đề tài nghiên cứu mà qua đó giúp các em hình thành được thái độ NCKH đúng đắn. Trong các hội thảo này, cần mời các nhà khoa học, các GV có kinh nghiệm, có tâm huyết trao đổi, giúp đỡ SV trong việc NCKH; mời những SV có khả năng NCKH tốt, tham gia trao đổi, thảo luận cùng các SV khác.

### 2.3.5. Thành lập “Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học” cho sinh viên

Để hoạt động NCKH của SV được lâu dài và có tổ chức, việc thành lập những “Câu lạc bộ NCKH” là điều cần thiết. Các câu lạc bộ có thể được thành lập theo từng khoa, viện riêng để có thể nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề thuộc chuyên ngành của SV. Đây là nơi để SV thỏa niềm đam mê nghiên cứu, sáng tạo, là nơi để SV có thể giao lưu, chia sẻ thông tin cho nhau, cùng trao đổi về học thuật, về phương pháp, quy trình NCKH, hỗ trợ về phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho quá trình nghiên cứu. Câu lạc bộ có thể xây dựng trang diễn đàn riêng để cập nhật về các hoạt động NCKH, giới thiệu những đề tài nghiên cứu, cập nhật thông tin, chia sẻ giữa SV với nhau... Tuy nhiên, để câu lạc bộ trở thành nơi thu hút các bạn SV thì cần có một đội ngũ quản trị viên nhiệt tình, năng động; có mục tiêu, quy định riêng của câu lạc bộ; có những hoạt động gây ảnh hưởng tới SV và đặc biệt cần có sự quan tâm của đội ngũ GV, các nhà khoa học của khoa, viện cùng tham gia và hỗ trợ.

### 3. Kết luận

Hứng thú là một thuộc tính tâm lý của cá nhân, nó có vai trò quan trọng trong cuộc sống và hoạt động của con người. Hứng thú có tác dụng làm nảy sinh khát vọng hành động, tăng sức làm việc, đặc biệt là tính tích cực, tự giác trong hoạt động. NCKH là một hoạt động đặc thù trong đào tạo đại học. Trong hoạt động NCKH khi có hứng thú, SV sẽ nghiên cứu một cách say mê, nhiệt tình, tích cực, sáng tạo hơn và đem lại kết quả cao trong nghiên cứu, qua đó cũng giúp các em phát triển năng lực nghề nghiệp bản thân đáp ứng yêu cầu của một nhà sư phạm trong tương lai. Vì vậy, tìm ra một số biện pháp nâng cao hứng thú NCKH cho SV là việc làm rất cần thiết để nâng cao chất lượng NCKH của SV ở các cơ sở đào tạo đại học sư phạm nói chung và Trường Đại học Vinh nói riêng.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Việt Vượng (1997). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Vũ Cao Đàm (2008). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Thế giới
- [3] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) - Trần Hữu Luyến - Trần Quốc Thành (2010). *Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Phạm Minh Hùng - Chu Trọng Tuấn (2010). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên, 2009). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Đặng Thị Ngọc Phương (2016). *Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên khoa Giáo dục mầm non Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*. Tạp chí Giáo dục, số 373, tr 20-23.
- [7] Lưu Xuân Mới (2003). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Sư phạm.

### PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC QUẢN TRỊ...

(Tiếp theo trang 9)

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2018). *Dự thảo Chuẩn hiệu trưởng trường phổ thông*.
- [2] Chính phủ (2015). *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*.
- [3] Trần Văn Dàng (2018). *Quản lý hoạt động giáo dục cho học sinh trường tiểu học bán trú theo định hướng phát triển năng lực tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý Giáo dục.
- [4] Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08/11/2011 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học*.
- [5] Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2014). *Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 về tiêu chí trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [6] Học viện Quản lý Giáo dục (2015). *Phát triển năng lực người học trong bối cảnh hiện nay*. Kì yếu Hội thảo khoa học quốc tế (tháng 4/2015).
- [7] Nguyễn Thị Hương (2018). *Quản trị trường học: cơ sở lý luận, thực trạng đào tạo ở Việt Nam và thế giới*. Tạp chí Giáo dục, số 424, tr 9-12.
- [8] Nguyễn Thị Hương (2018). *Chương trình cử nhân Quản trị trường học của Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tiếp cận thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 430, tr 34-41.